

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số 04 /2019/HNGĐ-ST  
Ngày 28 -01-2019  
V/v “ Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:**  
*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Chi  
*Các hội thẩm nhân dân:*
  1. Bà Nguyễn Thị Nhạn
  2. Ông Trần Văn Chánh
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Văn Tiến- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:**  
Bà Đoàn Thị Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1757/2018/ TLST-HNGĐ ngày 30/7/2018, về việc : “Ly hôn” Theo Quyết định đưa vụ án xét xử số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- 1. Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1983 ( vắng mặt)  
Cư trú: tổ 27, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tạm trú: tổ 17, khu phố 2A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai
- 2. Bị đơn:** Ông Lê Xuân H, sinh năm 1974 (vắng mặt)  
Cư trú: tổ 27, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Tạm trú: tổ 1, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- **Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai của bà Đỗ Thị L trình bày:**

Bà và ông H xây dựng gia đình vào năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn 18/02/2003 tại UBND xã M, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tại quê nhà, đến năm 2013 chuyển vào sinh sống tại tổ 27 (tổ 18 cũ), khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, thời gian sau này thì ông H thường xuyên rượu chè về nửa đêm làm ảnh hưởng đến vợ con. Đến ngày 01/6/2018 vợ chồng bà bán nhà tại Tổ 27, khu phố 3 phường T và mỗi người sống riêng mỗi nơi cho đến nay.

Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà kiên quyết xin ly hôn với ông H.

Về con chung: có 02 cháu: Lê Thị Ngọc A sinh ngày 15/3/2001; Lê Đỗ Ngọc N, sinh ngày 09/10/2012 bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: không có.

**- Theo bản tự khai ngày 23/11/2018 của ông Lê Xuân H trình bày:**

Ông xây dựng gia đình với bà L đúng như bà L trình bày.

Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn, từ tháng 4/2018 vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay vợ ông xin ly hôn do còn thương vợ con nên ông không đồng ý ly hôn với vợ ông, đề nghị Tòa án xem xét.

Về con chung: có 02 cháu: Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 15/3/2001; Lê Đỗ Ngọc N, sinh ngày 09/10/2012. Nếu trường hợp Tòa cho ly hôn ông đồng ý giao 02 cháu cho vợ ông nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: không có.

**\* Đại diện Viện kiểm sát thành phố B phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định. Các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

*Về đường lối giải quyết vụ án:* Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa cho thấy ông H tuy trình bày còn thương vợ con không đồng ý ly hôn nhưng từ khi vợ chồng sống mỗi người một nơi cho đến nay và Tòa án mời hòa giải ông không tham dự xin vắng mặt chưa thể hiện thiện chí để vợ chồng có điều kiện hàn gắn của ông H, ông bỏ mặc tình trạng hôn nhân trên nên có kéo dài cũng không đem đến hạnh phúc gia đình; Do đó, đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận đơn xin ly hôn của bà L, cho bà L ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 cháu bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; ông H cũng đồng ý theo đề nghị của bà L và cũng phù hợp với nguyện vọng của con nên đề nghị chấp nhận giao 02 cháu cho bà L chăm sóc nuôi dưỡng;

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: không có, nên không xem xét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về tố tụng:

Bà Đỗ Thị L xin ly hôn và ông Lê Xuân H, cả hai đều cư trú thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố

tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

Ông Lê Xuân H có đơn xin vắng mặt từ phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đến xét xử. Căn cứ khoản 2 Điều 207, Điều 208; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố B tiến hành đưa vụ án xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà L và ông H xây dựng gia đình vào năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, đến năm 2003 đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện S, tỉnh Thanh Hóa nên căn cứ Điều 9,11,12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi xây dựng gia đình bà L và ông H chung sống hạnh phúc bình thường, đến năm 2003 vợ chồng chuyển vào sinh sống tại tổ 27 (tổ 18 cũ), khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, đến tháng 6/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do ông H hay uống rượu về khuya hay mắng chửi làm ảnh hưởng đến tinh thần cũng như sức khỏe của vợ con rất nhiều nên sau khi bán nhà vợ chồng mỗi người ra ở riêng, không còn quan tâm lẫn nhau từ đó cho đến nay. Về phía ông H cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn, địa phương cũng không nắm được rõ, tuy bà L không có chứng cứ chứng minh được mâu thuẫn của vợ chồng nhưng lý do tại sao vợ chồng đang chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2018 lại bán nhà hai bên ra ở riêng mà ông H không ý kiến gì lại chấp nhận và từ đó cho đến nay ông H cũng không có biện pháp gì khi bà L xin ly hôn để cải thiện hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu ông H quan tâm đến hạnh phúc gia đình khi Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu xin ly hôn của bà L thì ông H phải tạo điều kiện để Tòa án hòa giải cho vợ chồng ông hàn gắn nhưng ông H xin vắng mặt không tham hòa giải bỏ mặc tình trạng hôn nhân trên là chưa thể hiện thiện chí để vợ chồng có điều kiện hàn gắn của ông H; Xét thấy, thời gian có kéo dài nhưng vợ chồng ra sống riêng không ai quan tâm đến ai, cũng không thể đem đến hạnh phúc gia đình nên mục đích hôn nhân không đạt; Căn cứ Điều 51, 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của bà L cho bà L được ly hôn với ông H để trả tự do cho nhau.

[3] Về con chung: Có 02 cháu: Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 15/3/2001; Lê Đỗ Ngọc N, sinh ngày 09/10/2012 bà Liên yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; ông H cũng đồng ý theo đề nghị của bà L và cũng phù hợp với nguyện vọng của con nên chấp nhận giao 02 cháu cho bà L chăm sóc nuôi dưỡng, do bà L không yêu cầu nên tạm thời ông H không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông H được quyền thăm nom con không ai cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: không có.

[5] Đối với ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B về quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Án phí ly hôn sơ thẩm: bà L nộp 300.000đ

**Vì các lẽ trên:**

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 207, Điều 208; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 9,11,12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Áp dụng Điều 51,53,56,58,81,82,83,84 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Đỗ Thị L

Bà Đỗ Thị L được ly hôn với ông Lê Xuân H.

**Về con chung:** Giao 02 cháu: Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 15/3/2001; Lê Đỗ Ngọc N, sinh ngày 09/10/2012 cho bà Đỗ Thị L chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời ông Lê Xuân H không cấp dưỡng nuôi con. Ông H được quyền thăm nom con không ai cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

**Về tài sản chung:** không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: không có.

**Về án phí:** Bà Đỗ Thị L nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 008517 ngày 11/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Bà Đỗ Thị L, ông Lê Xuân H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương theo quy định của pháp luật./-

**Nơi nhận:**

- VKS-ND thành phố B
- THA-DS thành phố B
- TAND tỉnh Đồng Nai
- Các đương sự
- Nơi đăng ký kết hôn
- Lưu HS-VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Lan Chi**